

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/DS-PT

Ngày: 09/9/2020

V/v t/chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2020/ST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng L, sinh năm 1973; trú tại: Số L1, đường L2, khu phố L3, phường L4, thành phố Q, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

2. 1 Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1983 (có mặt).

2. 2 Anh Châu Hoài T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Số H1, đường H2, khu phố H3, phường H4, thành phố Q, tỉnh Tây Ninh.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Phan Thị Hồng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Hồng L trình bày:

Do quen biết nên chị có cho chị H mượn tiền 04 lần, thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, cụ thể như sau:

- Ngày 13-10-2015 (âm lịch): Mượn 50.000.000 đồng, đã trả lãi được 09 tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng với số tiền là 9.000.000 đồng;

- Ngày 02-3-2016 (âm lịch): Mượn 40.000.000 đồng, sau đó vài ngày trả lại;

- Ngày 25-3-2016 (âm lịch): Mượn 60.000.000 đồng, đã trả được 04 tháng với số tiền là 4.800.000 đồng;

- Ngày 14-5-2016 (âm lịch): Mượn 30.000.000 đồng, đã trả 15.000.000 đồng và trả lãi 02 tháng số tiền 600.000 đồng; còn lại 15.000.000 đồng.

Việc vay mượn tiền đều có làm giấy do chị H viết và ký tên. Nay chị yêu cầu chị H và anh T có trách nhiệm trả số tiền gốc 125.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị thừa nhận có mượn tiền của chị L nhiều lần, mượn rồi trả và mượn lại, cụ thể như sau:

- Ngày 13-10-2015 âm lịch: mượn 50.000.000 đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 4,5%/tháng (2.250.000 đồng/tháng), đã trả đến ngày 13-9-2019 âm lịch thì ngưng (việc trả không ghi giấy tờ);

- Ngày 02-3-2016 âm lịch: Mượn 40.000.000 đồng đã trả lại xong;

- Ngày 25-3-2016 âm lịch: Mượn 60.000.000 đồng;

- Ngày 14-5-2016 âm lịch: Mượn 30.000.000 đồng.

Chị thừa nhận khi vay có viết giấy và đã trả được số tiền 130.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh. Nay chị đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh T không biết số tiền nợ này.

- *Bị đơn anh Châu Hoài T trình bày:* Anh không biết chị L là ai, không biết việc chị H vay tiền nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng L, buộc chị Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Hồng L số tiền 163.884.616 đồng (trong đó 125.000.000 đồng tiền vốn, 38.884.616 đồng tiền lãi).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, nguyên đơn có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu xem xét buộc bị đơn anh Châu Hoài T và chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 163.884.616 đồng (trong đó tiền gốc là 125.000.000 đồng và tiền lãi 38.884.616 đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc chị H có trách nhiệm trả 163.884.616 đồng, không buộc anh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu anh T có nghĩa vụ liên đới cùng chị H trả nợ số tiền 163.884.616 đồng thấy rằng:

Các giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp do một mình chị H ký tên và không thể hiện mục đích vay. Theo nguyên đơn trình bày chị H vay trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay để có vốn kinh doanh vừa gỗ Tư Thanh – cơ sở làm ăn chung của vợ chồng và phục vụ nhu cầu thiết yếu sinh hoạt trong gia đình. Còn chị H xác định mục đích vay là để tự làm ăn riêng, choàng hui cho người khác; anh T không biết chị L và không biết về khoản vay này, các khoản chi tiêu

cho nhu cầu thiết yếu chung của gia đình lấy từ lợi nhuận của việc kinh doanh xưởng gỗ.

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng vay tiền chỉ được xác lập giữa chị L và chị H bởi lẽ giấy nợ chỉ do một mình chị H ký tên, chị L cũng thừa nhận một mình chị H đến nhà chị để hỏi vay tiền, các lần đóng lãi và trả tiền đều do một mình chị H thực hiện. Nay nguyên đơn kháng cáo cho rằng chị H vay tiền để phục vụ cho hoạt động kinh doanh vừa gỗ của vợ chồng và chi tiêu trong gia đình nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ để buộc anh T có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Từ những nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Phan Thị Hồng L.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tây Ninh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng L, buộc chị Nguyễn Thị Thanh H có trách nhiệm trả cho chị Phan Thị Hồng L số tiền 163.884.616 đồng (trong đó 125.000.000 đồng tiền gốc, 38.884.616 đồng tiền lãi).

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 8.194.230 đồng (Tám triệu một trăm chín mươi tư nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Chị Phan Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.125.000 đồng theo biên lai thu số: 0002059 ngày 13-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tây

Ninh; hoàn trả cho chị L 2.825.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phan Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000253 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tây Ninh.

3. Kể từ ngày chị Phan Thị Hồng L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Thanh H chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho chị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Phòng KTNV & THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Thu Trang